

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quý

Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Ông Mai Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 27/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Xuân Q**, sinh năm 1962 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1962 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Q trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị X kết hôn năm 1982, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn nay là phường Nhơn

Thành, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn ông và bà X sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và khác biệt về quan điểm sống, từ năm 2014 đến nay ông và bà X sống ly thân. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông đề nghị được ly hôn với bà X.

Về con chung: Ông và bà X có 02 con chung là anh Nguyễn Trung Khoa, sinh năm 1984 và anh Nguyễn Công Trường, sinh năm 1986. Hai con đã trưởng thành, có gia đình và ở riêng, nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Q kết hôn năm 1982, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn nay là phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định vào năm 1982. Sau khi kết hôn bà và ông Q sống chung với nhau được 22 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và khác biệt về quan điểm sống, từ năm 2014 đến nay bà và ông Q sống ly thân. Mặc dù không chung sống cùng nhau 9 năm nhưng bà X vẫn còn yêu thương ông Q, mong muốn được đoàn tụ vợ chồng. Do đó đối với yêu cầu ly hôn của ông Q bà không đồng ý.

Về con chung: Do 02 con chung của bà và ông Q là anh Nguyễn Trung Khoa, sinh năm 1984 và anh Nguyễn Công Trường, sinh năm 1986 đã trên 18 tuổi nên bà không có yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: bà và ông Q tự thỏa thuận giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hướng giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, sau đó phát sinh mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân. Nay, nguyên đơn có nguyện vọng được ly hôn, xét thấy mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Xuân Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị X có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thôn Đăk Lim, xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”. Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà X được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn nay là phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, đúng theo quy định pháp luật, là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Xuân Q, Hội đồng xét xử thấy: Ông Q trình bày trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đặc biệt từ năm 2014 đến nay mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng không nói chuyện được với nhau, đời sống hôn nhân trở nên căng thẳng, mệt mỏi nên từ cuối năm 2014 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 22/3/2022 Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông Q, bà X cư trú được biết hai bên có xảy ra cãi nhau và từ khoảng năm 2014 đến nay ông Q bà X sống ly thân, trong thời gian sống ly thân thì ông bà không đoàn tụ được. Quá trình làm việc, Tòa án đã tổ chức 02 buổi hòa giải cho các đương sự, tuy nhiên ông Q xác định tình cảm của ông đến nay không còn, giữa ông và bà X chỉ có mâu thuẫn, cãi vã, không có sự đồng cảm, yêu thương. Từ những căn cứ trên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Q, bà X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Q.

Về con chung: do 02 người con chung của ông Q và bà X đều đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét về việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân Q phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Q.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân Q được ly hôn bà Nguyễn Thị X.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006125 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- UBND xã Đăk Ô;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải Ly